

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

20/7/2026

NGHỊ ĐỊNH

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức tham gia của công ty thông tin tín dụng (sau đây gọi tắt là tổ chức tham gia) là tổ chức tự nguyện cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng, bao gồm: tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ, mua trước trả sau, cung cấp giải pháp cho vay ngang hàng có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là tổ chức tham gia khác).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Khách hàng vay là tổ chức, cá nhân được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng hoặc được tổ chức tham gia khác cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ, mua trước trả sau, cung cấp giải pháp cho vay ngang hàng có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định pháp luật khác có liên quan, đảm bảo tính trung thực, khách quan và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Công ty thông tin tín dụng chỉ được thu thập, xử lý thông tin tín dụng của khách hàng vay từ các tổ chức tham gia khi khách hàng vay có thỏa thuận đồng ý với tổ chức tham gia theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Công ty thông tin tín dụng không được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định này.”.

4. Bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Khách hàng vay của tổ chức tham gia là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được yêu cầu rút lại sự đồng ý, hạn chế xử lý, xóa, hủy, khử nhận dạng dữ liệu trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7

“1. Công ty thông tin tín dụng gửi báo cáo bằng phương thức điện tử đến Ngân hàng Nhà nước các báo cáo sau:

a) Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật;

b) Báo cáo tình hình hoạt động theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Báo cáo khi xảy ra sự cố lớn về kỹ thuật đối với cơ sở hạ tầng thông tin (như hỏng, trục trặc về phần cứng, phần mềm; cơ sở dữ liệu, hệ thống mạng, hệ thống an toàn bảo mật bị tấn công và các sự cố khác làm cho cơ sở hạ tầng thông tin của công ty thông tin tín dụng hoạt động bất bình thường) theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp công ty thông tin tín dụng không gửi báo cáo bằng phương thức điện tử do gặp sự cố hoặc có lỗi tại hệ thống gửi báo cáo, công ty thông tin tín dụng gửi bằng văn bản trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính;

d) Báo cáo khi có một trong những thay đổi sau: người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát; số lượng tổ chức tham gia; thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với các tổ chức tham gia; cơ sở hạ tầng thông tin theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Có phương án bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin, phương án ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng, phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng quá 04 giờ kể từ thời điểm bị gián đoạn.”.

2. Bãi bỏ điểm đ khoản 1.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Có phương án kinh doanh đảm bảo chỉ thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng, trong đó bao gồm dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân để thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng theo quy định của pháp luật.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Có thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tin dụng giữa công ty thông tin tin dụng với tổ chức tham gia theo Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10

“Điều 10. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả

1. Hồ sơ phải được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

Các tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) hoặc bản được tạo lập từ hệ thống có ký số.

2. Hồ sơ được nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

3. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được gửi cho công ty thông tin

tín dụng bằng bản điện tử thông qua phương thức trực tuyến; hoặc gửi bản giấy thông qua dịch vụ bưu chính (theo đề nghị của công ty thông tin tín dụng) hoặc được trả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Lý lịch của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung);”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Phiếu lý lịch tư pháp (bản sao) của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát:

e1) Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

e2) Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì công ty thông tin tín dụng phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cá nhân đó không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật Việt Nam;

e3) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm công ty thông tin tín dụng nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin về Phiếu lý lịch tư pháp đã có trên Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ,

Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận cho công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

4. Bổ sung khoản 4 như sau:

“Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị rách hoặc hư hỏng khác, công ty thông tin tín dụng gửi hồ sơ đề nghị gồm Đơn đề nghị cấp bản sao Giấy chứng nhận từ sổ gốc theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) và Giấy chứng nhận đã bị rách, hư hỏng (trừ trường hợp bị mất) theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) để đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy chứng nhận từ sổ gốc theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và khai thác được thông tin Giấy chứng nhận từ cơ sở dữ liệu dùng chung của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước cấp bản sao từ sổ gốc cho công ty thông tin tín dụng; trường hợp không cấp bản sao từ sổ gốc, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

Điều 7. Bãi bỏ Điều 12

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13

“4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này (Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận); trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

Điều 9. Bổ sung khoản 2 Điều 17

Bổ sung điểm e vào khoản 2 như sau:

“e) Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, bao gồm tối thiểu các nội dung về đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (nếu có), thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 18

“b) Thông tin về lịch sử cấp tín dụng, thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ, mua trước trả sau, cho vay ngang hàng;”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 22

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 22 như sau:

“1. Công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty thông tin tín dụng phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và tự thực hiện điều chỉnh sai sót theo quy định nội bộ của công ty thông tin tín dụng;

b) Tổ chức tham gia phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và gửi công ty thông tin tín dụng văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót kèm các tài liệu liên quan. Công ty thông tin tín dụng phải có văn bản thông báo kết quả việc thực hiện điều chỉnh sai sót theo các hình thức gửi trực tiếp; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác tới tổ chức tham gia trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của tổ chức tham gia;

c) Khách hàng vay phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và gửi công ty thông tin tín dụng hoặc tổ chức tham gia văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót kèm các tài liệu liên quan. Công ty thông tin tín dụng hoặc tổ chức tham gia phải có văn bản thông báo cho khách hàng vay về quá trình xử lý và kết quả việc thực hiện điều chỉnh sai sót theo các hình thức gửi trực tiếp; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác tới khách hàng vay trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót theo đề nghị của khách hàng vay như sau:

a) Trường hợp sai sót phát sinh do quá trình xử lý thông tin của công ty thông tin tín dụng thì công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng vay;

b) Trường hợp công ty thông tin tín dụng xác định sai sót phát sinh từ thông tin thu thập tại tổ chức tham gia, công ty thông tin tín dụng thực hiện thông báo cho khách hàng vay về quá trình xử lý (trong đó nêu rõ nguồn phát sinh sai sót) trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc và phối hợp với tổ chức tham gia điều chỉnh sai sót trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng vay.”.

Điều 12. Thay thế, bổ sung một số Phụ lục

1. Thay thế Phụ lục I, II, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP bằng Phụ lục I, II, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bổ sung Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các công ty thông tin tín dụng đã thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải rà soát sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) và gửi các quy định nội bộ này cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, công ty thông tin tín dụng sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận, cam kết được ký kết

trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phù hợp với các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan (nếu cần thiết).

3. Các hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đã nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, bãi bỏ Nghị định số 133/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị định số / /ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

**NỘI DUNG THỎA THUẬN CUNG CẤP THÔNG TIN
TÍN DỤNG CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan, tổ chức tham gia và khách hàng vay cùng bàn bạc, thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận để thực hiện cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng với những nội dung tối thiểu như sau (*02 Bên có thể thỏa thuận bổ sung các nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật*):

1. Bên A: Bên sở hữu thông tin tín dụng

a) Đối với khách hàng vay là cá nhân gồm các thông tin: Họ tên; Số định danh cá nhân/căn cước công dân/hộ chiếu; nơi cư trú; số điện thoại/fax/email.

b) Đối với khách hàng vay là tổ chức gồm các thông tin: Tên tổ chức; mã số doanh nghiệp; nơi đặt trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật.

2. Bên B: Tổ chức tham gia gồm các thông tin: Tên tổ chức; mã số doanh nghiệp; nơi đặt trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật.

3. Nội dung thỏa thuận gồm:

a) Bên A đồng ý cho Bên B cung cấp thông tin tín dụng của Bên A tại Bên B cho công ty thông tin tín dụng mà Bên B đang là tổ chức tham gia (hoặc dự kiến là tổ chức tham gia) và công ty thông tin tín dụng được xử lý, lưu trữ thông tin tín dụng được cung cấp theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận với tổ chức tham gia.

Nội dung thỏa thuận về sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân phải nêu rõ: các mục đích, nguồn thu thập và các bên thu thập, chia sẻ dữ liệu cá nhân liên quan, thời gian lưu trữ dữ liệu cá nhân,...

b) Bên B có trách nhiệm thông báo với Bên A thông tin về công ty thông tin tín dụng tại điểm a khoản này (bao gồm: Tên công ty thông tin tín dụng; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông tin khác liên quan) ít nhất tại mốc thời gian sau:

- Tại thời điểm ký kết văn bản thỏa thuận này (nếu có thông tin);
- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày Bên B cam kết cung cấp thông tin tín dụng với một công ty thông tin tín dụng.

c) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp và việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của Bên B cho công ty thông tin tín dụng (*đảm bảo phù hợp*

với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan).

d) Khi công ty thông tin tín dụng (tại điểm b khoản này) bị thu hồi Giấy chứng nhận, Bên B sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên A cho công ty thông tin tín dụng và Bên A đồng ý thông tin tín dụng của Bên A tại công ty thông tin tín dụng được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Bên B có trách nhiệm thông báo với Bên A về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên A trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày Bên B nhận được thông báo của công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.

đ) Các nội dung khác theo thỏa thuận giữa 02 Bên.

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Nghị định số / /ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

NỘI DUNG THỎA THUẬN VỀ VIỆC CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG CUNG CẤP SẢN PHẨM THÔNG TIN TÍN DỤNG

Căn cứ quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan, tổ chức tham gia và khách hàng vay cùng bàn bạc, thống nhất ký kết thỏa thuận về việc công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức tham gia với những nội dung tối thiểu như sau (02 Bên có thể thỏa thuận bổ sung các nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật):

1. Bên A: Bên sở hữu thông tin tín dụng

a) Đối với khách hàng vay là cá nhân gồm các thông tin: Họ tên; Số định danh cá nhân/căn cước công dân/hộ chiếu; nơi cư trú; số điện thoại/ fax/email.

b) Đối với khách hàng vay là tổ chức gồm các thông tin: Tên tổ chức; mã số doanh nghiệp; nơi đặt trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật.

2. Bên B: Bên có nhu cầu được cung cấp thông tin tín dụng gồm các thông tin: Tên tổ chức; mã số doanh nghiệp; nơi đặt trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật.

3. Nội dung thỏa thuận gồm các nội dung sau:

a) Bên A đồng ý cho Bên B được công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên A (*thông tin công ty thông tin tín dụng gồm: Tên công ty thông tin tín dụng; mã số doanh nghiệp*).

b) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp, việc sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên A được công ty thông tin tín dụng cung cấp (*đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan*).

4. Các nội dung khác theo thỏa thuận giữa 02 Bên.

PHỤ LỤC V

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**
(Kèm theo Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

DOANH NGHIỆP(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, doanh nghiệp...(1) đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):.....

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Tên giao dịch (nếu có):.....

2. Mã số doanh nghiệp:.....

3. Người đại diện theo pháp luật:.....

Chức danh:

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax, email:

5. Nội dung hoạt động:

6. Vốn điều lệ:.....

7. Tài khoản đã mở tại Ngân hàng thương mại.....

- Số hiệu tài khoản:

- Số vốn đã gửi:.....

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Hồ sơ đính kèm:

Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 11 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên công ty thông tin tín dụng.

PHỤ LỤC VI**MẪU LÝ LỊCH TÓM TẮT CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT***(Kèm theo Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****LÝ LỊCH TÓM TẮT****Ảnh hộ chiếu
(4x6)****1. Về bản thân****a) Đối với công dân Việt Nam:**

- Họ và tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Số định danh cá nhân:

- Nơi sinh (*):

- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có) (*):

- Địa chỉ đăng ký thường trú (*):

- Nơi ở hiện tại (*):

- Tên, địa chỉ và mã số thuế tổ chức mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp, vốn cổ phần được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp, vốn cổ phần):

- Vợ, chồng; bố mẹ đẻ; con đẻ của người kê khai (Họ và tên, Số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam); Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không phải là công dân Việt Nam)):

b) Đối với cá nhân không phải là công dân Việt Nam:

- Họ và tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp: ...

- Nơi sinh:

- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có):

- Địa chỉ đăng ký theo hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (tỉnh/thành phố, phường/xã):

- Nơi ở hiện nay tại Việt Nam (tỉnh/thành phố, phường/xã) (nếu có):
- Tên, địa chỉ và mã số thuế tổ chức mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp, vốn cổ phần được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp, vốn cổ phần):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê nhưng bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm và bản sao văn bằng, chứng chỉ).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ (từ năm 18 tuổi đến nay) ở đâu, làm gì, tóm tắt các trách nhiệm chính, đặc điểm chính (kèm tài liệu chứng minh chức vụ và thời gian làm việc phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Cam kết trước pháp luật

- Tôi,, cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thông tin tín dụng ...

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi đầy đủ họ tên)

Ghi chú:

- (*): Chỉ yêu cầu người khai cung cấp khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

PHỤ LỤC VII**MẪU PHƯƠNG ÁN KINH DOANH**

(Kèm theo Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

DOANH NGHIỆP(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm...

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH

Căn cứ Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng, doanh nghiệp (1)... lập Phương án kinh doanh hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng như sau:

1. Sự cần thiết thành lập công ty.
2. Tên công ty, địa điểm đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động (không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng).
3. Cơ cấu người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát
 - a) Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của công ty;
 - b) Nhân sự dự kiến của các chức danh của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát.
4. Năng lực quản lý rủi ro
 - a) Các loại rủi ro dự kiến phát sinh trong quá trình hoạt động (rủi ro hoạt động, rủi ro đạo đức, rủi ro thị trường);
 - b) Khả năng biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng.
5. Cơ sở hạ tầng thông tin
 - a) Danh mục và bản thuyết minh cho cơ sở hạ tầng thông tin;
 - b) Dự kiến đầu tư tài chính cho cơ sở hạ tầng thông tin;
 - c) Mô tả khả năng áp dụng công nghệ thông tin, loại hình công nghệ dự kiến áp dụng trong quá trình hoạt động từ khâu thu thập, xử lý thông tin, tạo lập sản phẩm thông tin đến truyền đưa, lưu giữ dữ liệu thông tin; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin;
 - d) Hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật để sắp xếp, mã hóa cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu;

đ) Hệ thống dự phòng thảm họa có thể bảo đảm duy trì mọi hoạt động công nghệ thông tin của công ty thông tin tin dụng khi xảy ra sự cố với thời gian gián đoạn ngắn nhất.

6. Khả năng thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tin dụng, tạo lập và cung cấp sản phẩm thông tin tin dụng

a) Dự kiến về nguồn, phạm vi, phương thức thu thập thông tin; các tổ chức, cá nhân đã cam kết cung cấp thông tin và khả năng duy trì, phát triển các đơn vị cung cấp thông tin;

b) Các sản phẩm dự kiến cung cấp, đối tượng sử dụng và khả năng duy trì, phát triển đối tượng sử dụng sản phẩm;

c) Mô tả quy trình xử lý thông tin thu thập được để tạo lập cơ sở dữ liệu; quy trình tạo lập, cung cấp sản phẩm tin tin dụng; lưu giữ dữ liệu, sản phẩm thông tin tin dụng.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Hồ sơ đính kèm:

Các giấy tờ tài liệu chứng minh tính khả thi của Phương án kinh doanh.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên công ty thông tin tin dụng.
- Ngoài các nội dung tối thiểu trên, doanh nghiệp có thể trình bày thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

PHỤ LỤC VIII**MẪU CAM KẾT CUNG CẤP THÔNG TIN TÍN DỤNG
CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG***(Kèm theo Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***TÊN TỔ CHỨC
THAM GIA...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

.... ngày... tháng... năm...

**CAM KẾT CUNG CẤP THÔNG TIN TÍN DỤNG CHO
CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng; xét khả năng và nhu cầu cung cấp, sử dụng thông tin tín dụng giữa các bên, (tên tổ chức tham gia ...) cam kết:

1. Không phải là tổ chức tham gia của các công ty thông tin tín dụng khác tính đến thời điểm ký cam kết, không có cam kết cung cấp thông tin tín dụng với công ty thông tin tín dụng khác tính đến thời điểm ký cam kết.

2. Cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời các thông tin tín dụng về khách hàng vay tại (tên tổ chức tham gia ...) cho (tên công ty thông tin tín dụng ...) theo thỏa thuận số.... giữa các bên về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng, khi (tên công ty thông tin tín dụng ...) được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

3. Không cung cấp thông tin tín dụng về khách hàng vay tại (tên tổ chức tham gia ...) cho các công ty thông tin tín dụng khác.

4. Cam kết cung cấp thông tin này hết hiệu lực trong trường hợp (tên công ty thông tin tín dụng ...) không được cấp Giấy chứng nhận, hoặc công ty thông tin tín dụng chấm dứt hoạt động, hoặc theo sự thỏa thuận giữa các bên.

(Tên tổ chức tham gia ...) cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thỏa thuận giữa các bên, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC THAM GIA**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Ngoài những nội dung tối thiểu trên, tổ chức tham gia có thể bổ sung thêm những nội dung khác nếu thấy cần thiết.

PHỤ LỤC IX**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG
DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG***(Kèm theo Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)***NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/NHNN-GCN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG****THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng ngày ... tháng ... năm ... của Công ty thông tin tín dụng ...(1)...

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

CHỨNG NHẬN

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ dịch vụ thông tin tín dụng cho Công ty thông tin tín dụng ...(1)... như sau:

1. Tên Công ty thông tin tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Tên viết tắt hoặc tên giao dịch (nếu có):

2. Mã số doanh nghiệp:
3. Vốn điều lệ: (bằng chữ:)
4. Địa chỉ trụ sở chính:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, Công ty thông tin tín dụng ...(1)... phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có) và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng ...(1)... được lập thành ba (03) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty thông tin tín dụng ...(1)...; hai (02) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Lưu: VP, QLGS....

THÔNG ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên công ty thông tin tín dụng.

PHỤ LỤC X

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BẢN SAO TỪ SỔ GỐC/THAY ĐỔI
NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**
(Kèm theo Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

DOANH NGHIỆP(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BẢN SAO TỪ SỔ GỐC/THAY ĐỔI
NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...(2)

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), Công ty thông tin tín dụng... (1) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...(2) xem xét cấp bản sao từ sổ gốc/thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:
2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
3. Mã số doanh nghiệp:.....
4. Người đại diện theo pháp luật: Chức danh:
5. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:
6. Lý do, sự cần thiết làm đơn đề nghị:
7. Cam kết trước pháp luật

- Chúng tôi cam kết tiếp tục duy trì và đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng ...(1)...

- Chúng tôi cam kết những thông tin tại đơn đề nghị là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với những thông tin này.

Sau khi được thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng¹, chúng tôi sẽ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Hồ sơ đính kèm:

- Liệt kê các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 11, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên công ty thông tin tín dụng.
- (2) Tên Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực nơi công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính.

¹ Chỉ áp dụng với đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận.

PHỤ LỤC XI
MẪU QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC
THAY ĐỔI NỘI DUNG MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
(Kèm theo Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHI NHÁNH KHU VỰC ... (1)

Số:/QĐ-...(1) , ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thay đổi nội dung về ... (2) ... của Công ty thông tin tín dụng ... (3) ...

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC ... (1)

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Xét hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng ... (3);

Theo đề nghị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi một số nội dung tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số .../NHNN-GCN ngày ... tháng ... năm ... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (3)... (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận).

1. Nội dung ... tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

.....

2. Nội dung ... tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số .../NHNN-GCN ngày ... tháng ... năm ... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (3)...

Điều 3. Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) phù hợp với nội dung thay đổi tại Điều 1 Quyết định này.

Điều ... (4) ...

Điều, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực ...(1), Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty thông tin tín dụng ...(3)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều;
- Thống đốc NHNN;
- Cục QLGS;
- Lưu: ,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực nơi công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính.
- (2) Nội dung đề nghị thay đổi.
- (3) Tên công ty thông tin tín dụng.
- (4) Các nội dung khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phụ thuộc vào đặc điểm từng trường hợp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận.

PHỤ LỤC XII
MẪU QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU
KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG
(Kèm theo Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng ...(1)...

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Căn cứ(2)

Xét đề nghị của công ty thông tin tín dụng (1)... (nếu có);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số .../NHNN-GCN ngày ... tháng ... năm ... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (1)... (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận).

Quyết định số .../QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc thay đổi nội dung về ... của Công ty thông tin tín dụng (1)... hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này được ban hành.

Điều 2. Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm công bố thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng (1)... theo quy định tại Điều 16 Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ...

tháng ... năm ... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Điều 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Công ty thông tin tín dụng ...(1)... thực hiện nộp lại Giấy chứng nhận cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 4. Công ty thông tin tín dụng ...(1)... chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo phương án đã xây dựng và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kết quả thực hiện theo quy định tại Nghị định số/NĐ-CP ngày... tháng... năm ... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và pháp luật có liên quan.

Điều ... (3) ...

Điều ... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều ... Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty thông tin tín dụng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều;
- BLĐ NHNN;
- Lưu: VP,.....

THỐNG ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên công ty thông tin tín dụng.

- (2) Cơ sở thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận (dựa vào từng trường hợp thu hồi quy định tại Điều 14 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung để xác định).
- (3) Các nội dung khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phụ thuộc vào đặc điểm từng trường hợp thu hồi.

PHỤ LỤC XIII

(Kèm theo Nghị định số / / ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

**NỘI DUNG THỎA THUẬN VỀ CUNG CẤP THÔNG TIN,
SẢN PHẨM THÔNG TIN TÍN DỤNG CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan, công ty thông tin tín dụng và tổ chức tham gia cùng thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng với những nội dung tối thiểu như sau (02 Bên có thể thỏa thuận bổ sung các nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật):

1. Thông tin về các bên:

1.1. Công ty thông tin tín dụng:...

1.2. Tổ chức tham gia:...

2. Nội dung thỏa thuận gồm:

2.1. Nội dung, phạm vi thông tin tín dụng được cung cấp.

2.2. Thời gian, địa điểm, phương thức cung cấp, truyền đưa thông tin, dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng.

2.3. Nguyên tắc, phạm vi, mục đích sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng.

2.4. Nghĩa vụ thông báo của tổ chức tham gia, thỏa thuận với khách hàng vay về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay.

2.5. Trách nhiệm của các bên trong việc điều chỉnh, sửa chữa sai sót trong quá trình cập nhật, truyền đưa, xử lý, lưu giữ, khai thác và sử dụng thông tin tín dụng.

2.6. Trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng.

2.7. Trách nhiệm và sự phối hợp của các bên khi giải quyết điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng của khách hàng vay.

2.8. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp.

2.9. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận và đơn phương chấm dứt việc thực hiện thỏa thuận.

2.10. Các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng./.